

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;


Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty cổ phần cao su Sơn La ngày 22/3/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 291/TTr-STNMT ngày 25/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần cao su Sơn La (Địa chỉ: Bản Noong La, đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau: 

1. Tên công trình khai thác: Nhà máy chế biến cao su Sơn La 28-10 tại xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ sản xuất của Nhà máy chế biến cao su Sơn La 28-10.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Muội là phụ lưu cấp I của sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác: Tại xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu. Tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 104° , múi chiều 3° : $X = 2370488$; $Y = 473968$, cách nhà máy khoảng 2.200m.

5. Lưu lượng khai thác, sử dụng lớn nhất: $315\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chế độ khai thác: 08 h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng

- Phương thức khai thác, xử lý nước: Nước thô được bơm từ suối Muội theo đường ống thép D76 về khu xử lý nước đặt gần suối. Từ đây, nước được đưa vào hệ thống lắng, lọc rồi qua bể chứa và được bơm lên bồn chứa nước đặt trên đồi cách khu xử lý khoảng 550 m. Nước từ bể chứa được dẫn bằng đường ống $\Phi 114$ về Nhà máy cấp cho sản xuất.

- Các hạng mục công trình cấp nước chính:

+ Ống bơm nước thô bằng thép $\Phi 76$.

+ Trạm bơm cấp 1 với 02 máy bơm công suất $50\text{m}^3/\text{h}$.

+ Khu xử lý: bể lắng, bể lọc, bể chứa.

+ Trạm bơm cấp 2 công suất $50\text{m}^3/\text{h}$.

+ 04 bồn chứa Inox có tổng dung tích 100m^3 ($25\text{ m}^3/\text{bồn}$).

+ Đường ống dẫn nước về nhà máy: 1.800m đường kính ống $\Phi 114$.

8. Thời hạn của giấy phép: 10 năm (mười năm) tính từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai sót (nếu có).

2. Công ty cổ phần cao su Sơn La:

a) Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

b) Quan trắc, giám sát định kỳ việc khai thác, sử dụng nước theo qui định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác. ✓

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác; tần suất: 02 lần/năm, so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂; quan trắc các thông số: pH, COD, BOD₅, DO, TSS, Amoni (tính theo N), NO₂⁻ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Coliform, Ecoli.

+ 01 điểm sau hệ thống xử lý nước; tần suất: 02 lần/năm, so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂; quan trắc các thông số: pH, COD, BOD₅, DO, TSS, Amoni (tính theo N), NO₂⁻ (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), Coliform, Ecoli.

2.3. Tuân thủ phương án khai thác, xử lý nước tại hồ sơ cấp phép đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn hiện hành cho mục đích sử dụng.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

2.5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

Điều 3. Công ty cổ phần cao su Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần cao su Sơn La còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Thuận Châu;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Công ty cổ phần cao su Sơn La;
- Lưu: VT, Biên KT, 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu